

### Phẩm 33: PHẬT BẤT TƯ NGHỊ PHÁP

Sớ câu: “Một là nêu rõ về ý nối tiếp”: Văn nơi phần Sớ giải gồm hai:

Một: Chính thức biện minh.

Hai: Giải thích về chỗ vướng mắc.

Nay nói về phần một. Câu: “Theo Bạc cổ đức chỉ có ba phẩm”: Do hai phẩm sau là biện minh riêng về Nhân Quả bình đẳng nên chỗ dụng nơi phẩm tuy rộng hẹp chẳng đồng, nhưng phần giải đáp về Quả thì nghĩa như nhau.

Sớ câu: Nếu đáp lại câu hỏi ở trước” tiếp xuống: Là phần hai giải thích chỗ vướng mắc.

Trước hết là nêu câu hỏi: Do sáu Hội trước cùng đáp lại các câu hỏi ở trước đều không có thỉnh lần nữa. Vì sao ở phẩm này, nêu câu hỏi lại phải thỉnh lần nữa?

Từ câu: “Do nhân quả phân cách” tiếp xuống: Là sự giải đáp của bạc cổ đức. Ở đây tức có hai ý:

Một là: Nhân quả hoàn toàn phân cách. Các Hội ở trước là cùng nhân nên không có câu hỏi riêng. Từ đây trở xuống là Quả. Quả phân cách nơi Nhân nên phẩm này lại nêu câu hỏi.

Hai là: Suy niệm về pháp hi hữu, kỳ diệu, nên quả là chẳng nghĩ bàn, vì thế lại nhớ nghĩ để thỉnh.

Từ câu: “Đức của nhân là hết sức sâu xa” tiếp xuống: Là nêu ra tướng của pháp niệm hi hữu, đặc biệt.

Ở trên là ý chung.

Từ câu: “Biện minh riêng về phần này” tiếp xuống: Là chỉ biện minh về phần này.

Sớ câu: “Căn cứ riêng trong tông, dùng ba môn để phân biệt”:  
Tức:

Một: Biện minh chung về đức của Phật.

Hai: Hiển bày riêng về tướng của nghĩa.

Ba: Làm rõ tính chất không thể nghĩ bàn.

Nay nói về môn thứ nhất: Câu: “Một trăm bốn mươi pháp bất cộng”: Tức đã gặp nơi phẩm Quang minh giác. Nay lại nêu dẫn về số lượng chung.

Nghĩa là: Ba mươi hai tướng tốt.

Tám mươi vẻ đẹp kèm theo.

Bốn Nhứt thiết chủng thanh tịnh.

Mười Lực.

Bốn Vô sở úy

Ba Niệm trụ.

Ba Bất hộ.

Một Đại Bi.

Một Pháp không quên mất.

Một đoạn trừ vĩnh viễn tập khí.

Một Nhứt thiết chủng diệu Trí.

Tổng cộng là một trăm bốn mươi pháp

Nói: “Chung nơi Quyền, Tiểu”:

Tức nơi Tiểu thừa cũng nói đến, song hình chất đều kém. Còn chỗ nêu bày của Quyền Đại thừa thì thấy đều vượt hơn.

Đây là căn cứ nơi năm giáo, đã có hai:

Từ câu: “Như năm pháp” tiếp xuống: Là chính thức biện minh về Thật giáo nên nói: Chung với Quyền, Quyền Thật đều có. Nhưng trong Thật giáo là hợp quy về Pháp tánh chẳng hủy hoại Tướng.

Từ câu: “Như nói chỉ một vị “Tiếp xuống: Tức là Đốn giáo.

Từ câu: “Nếu nói gồm đủ đức vô tận” tiếp xuống: Là nói về Viên giáo.

Từ câu: “Nên trong văn của phần sau” tiếp xuống: Là biện minh về Kinh hiện tại là đức của Viên giáo.

Sớ từ câu: “Hai là hiển bày riêng về tướng của nghĩa” tiếp xuống: Là môn thứ hai. Văn nơi phần Sớ giải gồm ba:

Một: Chính thức hiển bày về hai đức.

Hai: Dùng bốn luận chứng để dung thông.

Ba: Phân biệt Quyền khác với Thật.

Một: Nói: “Tín v.v...”: Đây là chung cho Hành, Vị, Tín luôn đứng đầu nơi muôn Hạnh, tức bao quát cả các Vị Tấn, Niệm, Định v.v... cũng lấy Tín làm khởi điểm.

Đức của Hạnh có được năm mươi hai quả vị đều có hai thứ kia (Vốn có và do tu tập mà phát sinh).

Sớ từ câu: “Hai thứ ấy không ngăn ngại” tiếp xuống: Là phần hai, dùng bốn luận chứng để dung thông, có thể nhận biết.

Sớ từ câu: “Như chỗ biện minh về hai đức của Quyền giáo” tiếp xuống: Là phần ba, phân biệt Quyền khác với Thật. Gồm hai chi tiết:

Một: Nêu rõ về Quyền giáo.

Nói: “Không lẫn lộn”: Như Quả chuyển y có hai: Một Là: Phần đạt được của chỗ phát sinh, tức bốn Trí. Hai là: Phần đạt được của chỗ

hiển bày, tức Niết-bàn. Niết-bàn là Vốn có (Bản hữu) còn bốn Trí thì do tu tập mà phát sinh (Tu sinh), Tu sinh là Hữu vi. Còn chỗ hiển bày tu tập là Vô vi, nêu cả hai không lẫn lộn.

Sớ câu: “Bốn Luận chứng của Pháp, Báo cũng có sai khác”: Là nhằm ngăn chặn sự biện hộ giúp. Tức e có kẻ ngoài biện hộ, cho rằng: Tông này cũng có Luận chứng thì đâu có khác với phần dung thông ở trước? Nghĩa là:

Thứ nhất: Chỉ có Pháp, tức ở nơi Pháp thân còn bị ràng buộc.

Thứ hai: Chỉ có Báo, tức bốn Trí Bồ đề.

Thứ ba: Cũng Pháp, cũng Báo, tức Chân như, ra khỏi sự ràng buộc gồm đủ đức công đức.

Thứ tư: Chẳng phải là Pháp, chẳng phải là Báo. Đó là Ứng hóa.

Nay nói “Cũng có sai khác” tức chính là phân biệt về Quyền. Tuy có bốn luận chứng, nhưng lúc nhiệm, tịnh thì chỗ trái nơi Pháp, Báo chẳng phải là một. Theo đấy mà xét kỹ.

Hai: Từ câu: “Dựa nơi tông chỉ của Kinh này” tiếp xuống: Là hiển bày về Thật. Nêu bốn câu dụ để dụ cho bốn luận chứng trên.

Thứ nhất: “Vốn có” như vàng ròng, là luận chứng thứ hai ở trước.

Thứ hai: “Tu sinh” như vật dùng để trang sức, là dụ cho luận chứng thứ nhất.

Thứ ba: Nhưng do vật dùng để trang sức mới hiển bày đức của vàng ròng, dụ cho luận chứng thứ tư: Bản hữu của Tu sinh.

Thứ tư: Vật dùng để trang sức không có Thể, hoàn toàn dựa nơi vàng mà thành, dụ cho luận chứng thứ ba.

Đây tức hợp hai luận chứng đầu thành luận chứng ba, bốn. Là hai luận chứng đầu thì không có luận chứng ba, bốn.

Hai luận chứng ba, bốn cùng ở một lúc, lại không có Thể riêng. Dùng chỗ này để xem xét kỹ thì Quyền Thật hiển bày rõ.

Từ câu: “Nên chính vàng không ngăn ngại vật dùng để trang sức” tiếp xuống: Là tóm kết luận chứng thứ hai, quy về luận chứng một.

Câu: “Chính vật dùng để trang sức cũng thế”: Là tóm kết luận chứng một quy về luận chứng hai.

Đây là căn cứ nơi dụ mà nói. Nếu đối chiếu với Pháp ở trước thì chính luận chứng một là pháp thứ hai, luận chứng hai là pháp thứ nhất.

Từ câu: “Đã cùng nhau tóm hoàn toàn” tiếp xuống: Là tóm kết, quy về Tướng vô ngại của Tông gốc.

Nay lại dùng dụ để dụ chung về hai đức. Như “Tu sinh” ở tại

Nhân dần dần hiển bày về “Bản hữu”, ở tại Quả, thì làm viên mãn nơi “Bản hữu”. Chẳng phải là lý chính của “Bản hữu” là có dần dần, có viên mãn. Như mặt trăng lúc mới mọc tuy Ánh sáng dần dần mới tròn đầy mà luôn mang theo mặt trăng tròn, do mặt trăng tròn là thường tại. Cho nên mặt trăng của ngày mười lăm vẫn hiện khắp trong các ngày mồng một, hai, ba v.v... Tức biết Quả viên mãn hiện khắp nơi vị Nhân. Cũng khiến cho phần sau sau luôn làm đủ các phần trước trước. Những phần trước trước luôn làm đủ các phần sau sau. Do ngày thứ nhất có mặt trăng của ngày thứ hai cho đến mặt trăng của ngày mười lăm. Do mặt trăng của ngày mười lăm tức mặt trăng của các ngày thứ nhất. Cho nên sự kết hợp của Pháp có thể nhận biết. Vì thế gọi “Bản hữu của Tu sinh” là do lúc viên mãn đầu tiên thì trước đã viên mãn. Gọi “Tu sinh của Bản hữu” là do khi mới phát sinh cũng đã viên mãn.

Sớ câu: “Ba là làm rõ nghĩa chẳng thể nghĩ bàn”: Là nói về môn thứ ba. Văn nơi phần Sớ giải gồm ba:

Một: Nêu chung về Thể của Pháp.

Hai: “Căn cứ trong một nghĩa sau” tiếp xuống: Là nói riêng về Kinh này.

Ba: Từ câu: “Trước đều là Tông” tiếp xuống: Là tóm kết để quy về Tông - Thứ.

Trong phần hai có bốn chi tiết là:

Thứ nhất: Cái gì là chẳng thể nghĩ bàn, tức nêu ra Thể của Pháp là chẳng thể nghĩ bàn. Phần giải đáp là Trí, Bi v.v...

Thứ hai: Ở nơi cái gì là chẳng thể nghĩ bàn, tức nêu ra người là chẳng thể nghĩ bàn. Phần đáp lại là người ấy so với thế gian là chẳng thể nghĩ bàn.

Thứ ba: Thế nào là chẳng thể nghĩ bàn, tức trưng dẫn chỗ chẳng thể nghĩ bàn nơi Thể. Nghĩa là các thứ văn, Tư v.v... suy nghĩ đều không thể đạt được.

Thứ tư: Chỗ dùng như thế nào là chẳng thể nghĩ bàn, là nêu ra ý chẳng thể nghĩ bàn. Tức Như Lai thuyết pháp thì gốc là nhằm tạo lợi lạc cho chúng sinh. Nay dứt tuyệt ngôn ngữ, tư duy thì đối với muôn loài có ích gì? Ý đáp lại cho rằng: Là khiến tin tưởng, hội nhập. Tức muốn chứng nhập thì Tâm cần phải dứt tuyệt mọi vọng động, ngôn từ thì quên hết mọi hý luận.

Sớ câu: “Bốn phần sau hiển bày riêng về đức của Phật”: Là ý mới của phần Sớ giải muốn dùng năm phẩm để đáp lại mười câu hỏi kia. Nhưng có ba lớp:

Một: Phẩm này biện minh tổng quát về đức của Phật, đáp lại đầy đủ về mười câu hỏi, như phần tiếp sau đã phân định giải thích.

Hai: Là trong mỗi mỗi môn đều bao hàm việc giải đáp mười câu hỏi, cũng như phần sau đã giải thích.

Ba: Năm Phẩm đã giải đáp rộng về mười câu hỏi, như đoạn đầu của phần thuyết giảng ở sau.

Sớ từ câu: “Bậc cổ đức cho hai phẩm sau” tiếp xuống: Là nêu ra cách giải thích đã có từ trước. Phần Sớ giải thuật lại cách giải thích xưa nên dựa vào ba phẩm để nhận định về Kinh.

Sớ câu: “Hai là từ câu “Chư Phật” tiếp xuống: Là chính thức hiển bày về đối tượng được nhớ nghĩ”: Văn nơi phần Sớ giải gồm ba:

Một: Lược chỉ rõ về Thể của Pháp.

Từ câu: “Chẳng thể theo một Hướng” tiếp xuống: Là tóm kết, phê phán về cách giải thích khác.

Hai: Từ câu: “Nhưng mười câu hỏi này” tiếp xuống: Là đối chiếu với các Tướng ở trước để thâm tóm.

Ba: Từ câu: “Mười Tướng của nghĩa ấy” tiếp xuống: Là chỉ rõ về Tướng của phần giải thích ở trước.

Nơi phần hai, nay sẽ trước hết là nêu ra hai mươi câu hỏi nơi phần đầu của Hội thứ hai:

- 1) Địa của Như Lai.
- 2) Cảnh giới của Như Lai.
- 3) Thần lực của Như Lai.
- 4) Chỗ Hành hóa của Như Lai.
- 5) Mười Lực của Như Lai.
- 6) Vô úy của Như Lai.
- 7) Pháp Tam muội của Như Lai.
- 8) Thần thông của Như lai.
- 9) Sự tự tại của Như Lai.
- 10) Tính chất Vô ngại của Như Lai.
- 11) Mắt của Như Lai.
- 12) Tai của Như Lai.
- 13) Mũi của Như Lai.
- 14) Lưỡi của Như lai.
- 15) Thân của Như Lai.
- 16) Ý của Như Lai.
- 17) Biện tài của Như Lai.
- 18) Trí tuệ của Như Lai.

19) Tính chất tối thắng của Như Lai.

20) Thiếu phần Ánh sáng, nên chỉ có mười chín câu.

Nhưng nơi mỗi mỗi câu đều có cụm từ: “Thế nào là”.

Mười câu trong Kinh về thứ lớp có thể nhận biết. Ở đây, thâu tóm mười câu kia không dựa nơi thứ lớp. Đối chiếu với phần trước thành ba loại:

Một: Trước chia, đây hợp.

Hai: Trước hợp, đây chia.

Ba: Không chia, không hợp.

Tức muốn dùng phần ít ở đây để thâu tóm phần nhiều ở kia.

Một: Nêu rõ về trước chia, đây hợp. Trong đó tức có ba câu, thâu tóm một sáu câu ở trước.

Hai: Trước hợp, đây chia. Dùng hai câu trước thâu tóm ba câu.

Ba: Kia chỉ có một câu. Tức trong đây: Thứ nhất là Hợp có ba. Thứ hai: Đây chia có sáu. Thứ ba: Đây chẳng chia có một. Gồm đủ mười câu. Phần kia, trước: Thứ nhất là chia có mười sáu. Thứ hai là hợp có hai. Thứ ba là chẳng chia chẳng hợp cũng có một thành mười chín câu.

Một: Trước chia, đây hợp: Gồm ba chi tiết:

Thứ nhất: Thân thâu tóm sáu căn. Thân tức một trong sáu căn. Thâu tóm luôn phần thiếu là Ánh sáng nên có bảy câu.

Thứ hai: Trí Tuệ thâu tóm ba. Gồm luôn chủ thể thâu tóm là Trí nên thành bốn.

Thứ ba: Tự tại thâu tóm năm. Gồm luôn chủ thể thâu tóm là Tự tại nên là sáu. Do đó thành mười bảy.

Hai: Trước hợp, đây chia: Cũng gồm ba chi tiết:

Thứ nhất: Cảnh giới chia ra Quốc độ, không có câu Chủ thể thâu tóm. Cảnh giới do Trí Tuệ ở trước đã thâu tóm xong, nên tuy ba đoạn mà chỉ có hai câu. Cảnh giới là Cảnh của đối tượng được ứng hóa. Quốc độ là Cảnh của đối tượng được nương tựa.

Thứ hai: Chỗ Hành hóa thâu tóm ba, tức là Chủ thể thâu tóm. Nhưng cả ba đều là Hành.

Nói: “Xuất Hiện cùng với Hành đều có rộng hẹp”: Là nhằm ngăn chặn. Tức e có vấn nạn: “Mười môn kia nơi Phẩm Xuất Hiện, Hành là một môn. Vậy sao ở đây Hành có thể thâu tóm các môn kia?”. Cho nên dùng chỗ có Rộng Hẹp để thông tỏ. Như dùng Bồ đề làm môn thì Tánh của Bồ đề thâu tóm nơi Niết-bàn. Nếu dùng Niết-bàn làm môn thì Bát-nhã Niết-bàn thâu tóm nơi Bồ đề.



Số câu: “Phần Vô ngại của trước, đây chia thành Giải thoát”: Là chi tiết thứ ba, tức trước chỉ có một, ở đây thì gồm đủ về Vô ngại, Giải thoát.

Số từ câu: “Âm thanh tức biện tài” tiếp xuống: Là nói về Loại thứ ba: Không chia, không hợp. Trước, sau đều có một câu. Lại lập đồ biểu:

Mười câu hỏi đầu của phẩm Phật Bất tư nghị pháp. Hai mươi câu hỏi của phẩm Như Lai Danh Hiệu:

1/ Quốc độ	2/ cảnh của Như Lai
2/ Bản nguyện	4/ Chỗ hành hóa
3/ Chứng tánh	
3/ Xuất hiện	
5/ Thân	11/ Mắt 12/ Tai 13/ Mũi 14/ Lưỡi 15/ Thân 16/ Ý
6/ Âm thanh	20/ Ánh sáng 17/ Biện tài
7/ Trí Tuệ	1/ Địa của Phật 18/ Trí tuệ 19/ Tối thắng
8/ Tự tại	3/ thần lực 5/ Mười lực 6/ Vô úy 7/ Tam muội 8/ thần thông 9/ Tự tại
9/ Vô ngại	10/ Vô ngại
10 Giải thoát	



Sớ câu: “Bảy là Trí Tánh không sai biệt làm thứ lớp”: Là xác nhận về câu mười chín: Tính chất tối thắng. Phần kia đã thiếu câu mười là Hành của Ánh sáng. Thứ lớp nơi bản tánh không sai biệt, nên Tánh theo thứ lớp mà rốt cuộc không chuyển đổi.

Sớ câu: “Quả đức lìa ngôn từ, nhờ nơi Nhân mà hiển bày”: Văn nơi phần này gồm bốn đoạn:

Một: Đây là đối chiếu với sự biểu thị về nghĩa của Hoa. Tông chỉ của Kinh có hai phần Nhân, Quả. Thập Địa đã biện minh Hoa dẫn tới Quả.

Hai: Từ câu: “Nhân Quả đồng thời” tiếp xuống: Là biểu thị về nghĩa của Hoa sen. Tức có vấn nạn: “Là Hoa dẫn đến quả đâu cần Hoa sen?” Nên ở đây giải đáp: Các Hoa trước phần nhiều là Hoa trước Quả sau. Hoa này chẳng có thì đã có tức Hoa, trái cùng bao hàm, lại không cấu nhiễm. Do vậy mà nêu Hoa sen.

Ba: Lại có vấn nạn: Hoa sen có bốn thứ, sao chỉ nêu Hoa xanh? Nên đáp lại: Là hết sức vượt trội, hơn hẳn. Luận viết: “Nước sinh Hoa thù thắng tức Hoa Ưu-bát-la.

Bốn: Hơn nữa, Hoa sen một đoá có nhiều Hạt, biểu thị cho một bao hàm tất cả. Cho nên đây là giải thích nghĩa cát chứa. (Tạng)

Sớ từ câu: “Hai là Phẩm này giải đáp đầy đủ về mười câu hỏi” tiếp xuống: Văn gồm ba:

Một: Nêu, chỉ rõ tổng quát.

Hai: Từ câu: “Xưa dùng mười câu đầu” tiếp xuống: Là dẫn ra cách giải thích đã có từ trước.

Ba: Từ câu: “Nay tức cho” tiếp xuống: Là làm rõ chỗ chính. Phần này có ba chi tiết:

Một là: Lược chỉ rõ về ý chính.

Hai là: Từ câu: “Văn phân làm mười” tiếp xuống: Là chính thức phân định.

Ba là: Từ câu: “Nay nói về hai môn đầu” tiếp xuống: Là giải thích văn. Chỉ biện minh về mười câu hỏi nêu trên. Xem văn dễ thấy rõ. Hoặc chia hoặc hợp, nghĩa hiển bày không giới hạn.

Sớ câu: “Như Văn Thù trong Bát-nhã đã biện giải”: Tức nơi Phẩm Quang Minh Giác đã nêu dẫn.

Sớ câu: “Mười câu trong phần riêng hầu hết đồng với mười tướng của Thân nơi Phẩm Xuất Hiện”:

Mười Tướng ấy tức là mười Thân:

Một: Tướng hội nhập khắp để thành tựu mọi lợi ích, tức Thân uy

thế.

Hai: Tướng vô Tâm ứng hiện khắp, tức là Hóa thân. Cho nên viết: “Chủng tộc điều hòa Thiện”.

Ba: Tướng tùy thuận ứng hiện bình đẳng, tức là Thân Bồ đề. Do trí của Bồ-tát là “Không chốn trụ”, nên bình đẳng tùy thuận ứng hiện.

Bốn: Không chấp trước, không ngăn ngại, tức là Trí thân.

Năm: Hiện hữu khắp mười phương, tức là Pháp thân, nên gọi là một Tánh.

Sáu: Trang nghiêm cõi, lợi sinh, tức Thân phước đức.

Bảy: Dứt mọi sinh diệt, luôn tiềm ẩn lợi ích, tức Thân tướng hảo trang nghiêm.

Tám: Nguyện tốt đẹp trang nghiêm đều viên mãn, tức là Nguyện thân. Nguyện lực hiện khắp pháp giới nên luôn chuyển Pháp luân vi diệu.

Chín: Tận cùng mãi mãi đời sau, tức là Thân lực trì. Cho nên trong đoạn Kinh kia đã dùng hình ảnh bậc “Y vương kéo dài thọ mạng” làm dụ để dụ cho Phật, tuy đã nhập Niết-bàn, nhưng lợi lạc đối với mọi loài không mất.

Mười: Tướng xoay tròn cùng trụ, tức là Ý sinh thân. Cho nên gọi là “Tâm niệm tức hiện”

Dùng mười tướng nơi mười Thân kia đối chiếu với văn của Kinh hiện tại thì hoàn toàn không sai khác, như có chỗ khó thì theo câu đã giải thích. Nếu dựa nơi thứ tự kia thì đây. Một tức kia là ba. Đây hai tức kia là bảy. Đây ba tức kia là bốn. Đây bốn tức kia là hai. Đây năm tức kia là một. Đây sáu tức kia là chín. Đây bảy tức kia là năm. Đây tám tức kia là mười. Đây chín tức kia là tám. Đây mười tức kia là sáu.

Song văn của phần kia tuy rộng mà Lý không hai.

Sớ câu: “Một Thân sau là Thân ý sinh v.v... thanh tịnh”: Thì chữ” vân vân là chỉ cho Nguyện Thân, Hóa Thân.

Sớ câu: “Bốn tức Hành của ba Niệm xứ”: Cũng gọi là ba Niệm Trụ. Niệm tức là tuệ của chủ thể duyên. Xứ nghĩa là lý bình đẳng chẳng tăng, chẳng giảm.

Một là: Nhất tâm lãnh hội Pháp, chẳng lo buồn.

Hai là: Nhất tâm lãnh hội Pháp, chẳng vui mừng.

Ba là: Luôn thực hành Tâm xả. Do trong pháp giới, Tướng giảm thoái chẳng thể nắm bắt, Tướng tăng tiến cũng chẳng nắm bắt. Tức là Tướng Niết-bàn, nên như thứ lớp mà phối kết.

Sớ câu: “Ba là phần sau cũng Thiện tức là rốt ráo lia mọi cấu uế

v.v...”: Chữ “vân vân” là chỉ cho “Tất cả đều hoàn toàn, rốt ráo”. Là đục là biên vực sau cùng, nên Tánh của các pháp là lia cấu uest. Chủ thể học tập cũng lia cấu uest. Tu hành rốt ráo là đạt được sự lia bỏ cấu uest.

Sớ câu: “Trong các Kinh, Luận lại có nhiều giải thích...”:

Như Trí Luận viết: “Tán thán về Bồ thí “Là phần đầu Thiện”. Tán thán về Trì giới là “Phần giữaThiện”. Tán dương về hai quả báo sinh Thiên và cõi Tịnh gọi là “Phần sau Thiện”. Lại nói: Thanh văn, Độc giác, Đại thừa cũng gọi là ba Thiện.

Kinh Bảo Khiếp viết: “Biết rõ Khổ, đoạn trừ Tập gọi là “Phần đầu Thiện”. Tu tập tám Chánh đạo là “Phần giữa Thiện”. Chứng đắc Diệt gọi là “Phần sau Thiện” đó gọi là ba Thiện của hàng Thanh văn. Như chẳng bỏ tâm Bồ đề, chẳng nghĩ về Thừa thấp, hồi hướng về Nhất thiết Trí, đó gọi là ba Thiện của hàng Bồ-tát”.

**Giải thích:** Nay, phần Sớ giải hoàn toàn dựa theo Luận Du Già, nên chỉ rõ các giải thích khác.

Sớ câu: “Bảy thứ còn lại văn của Kinh lược không nói đến”: Tức lược nên không nêu, chẳng phải là hoàn toàn không có. Nay dựa nơi luận du Già để nêu ra đủ. Luận viết: “Bốn là: Văn khéo léo, tức là khéo nối kết về “Danh thân” v.v... Cùng gồm đủ về tám ngữ” :1) Trước hết. 2) Hay, đẹp. 3) hiển bày. 4) dễ hiểu. 5) thích nghe. 6) Không dựa cậy. 7) Không sai trái. 8) Rộng lớn. Như nơi Luận Du Già quyển thứ hai mươi lăm đã thuyết minh.

Năm là: Nghĩa vi diệu. Tức có thể dẫn phát mọi lợi ích, an lạc

Sáu là: Thuần nhất, nghĩa là không giống với ngoại đạo. Chỉ nơi Phật pháp có, ngoại đạo thì không.

Bảy là: Viên mãn, không hạn lượng, nên là thù thắng tối thượng. Tức nghĩa đã phong phú, lại thù thắng, nên gọi là viên mãn.

Tám là: Thanh tịnh. Tức là Tự tánh giải thoát, nên tự thể của một Sát na là giải thoát, hoặc tự thể của pháp là giải thoát.

Chín là: Tinh khiết, Nghĩa là sự giải thoát tương tục. Giả như nhiều sát na Thiết đa cũng giải thoát. Chủ thể tu học cũng đạt giải thoát.

Mười là: Tướng phạm hạnh. Tức tám chi Thánh đạo, diệt đế gọi là Phạm, Đạo đế gọi là Hạnh, cùng với diệt làm nhân. Ở đây gồm đủ tám Thánh đạo ấy gọi là Tướng phạm hạnh. Cho nên biết đạo ấy do một đạo thuần nhất cùng với chỗ hiển bày của bốn thứ diệu tướng.

Sớ từ câu: “Thứ nhất, mười Lực là tên gọi riêng” tiếp xuống: Văn nơi phần Sớ giải gồm sáu:

Một: Phân định chung.



Hai: Từ câu: “Đó là mười lực nơi phần nêu trên, mỗi mỗi đều hiện khắp trong phần riêng” tiếp xuống: Là dung thông.

Ba: Từ câu: “Bạc cổ đức đem” tiếp xuống: Là nêu dẫn cách đã có từ trước.

Bốn: Từ câu: “Tức khiến trong phần riêng” tiếp xuống: Là biện minh về chỗ trái.

Năm: Từ câu: “Giả như muốn” tiếp xuống: Là ngăn chặn sự biện hộ giúp.

Sáu: Từ câu: “Trong mười môn, thứ nhất là rộng lớn” tiếp xuống: Là chính thức giải thích.

Nơi phần bốn, nói; “Cũng khiến có các môn khác không có nghĩa rộng lớn”: Tức do rộng lớn là môn thứ nhất.

Nói: “Môn thứ nhất không có tính chất tối thượng”: Môn thứ nhất chỉ có rộng lớn nên không giống với chín môn khác.

Tính chất tối thượng tại phần đầu đã lược nêu một lần cùng ở nơi tám môn sau.

Số từ câu: “Giả như muốn” tiếp xuống: Là phần năm, ngăn chặn sự biện hộ giúp. Tức có sự biện hộ: “Tuy là cùng có nhưng sao theo số nhiều để gọi tên?” Nên nay giải đáp: “Theo số nhiều có thể như thế, chẳng nên thuận theo thứ lớp. Do nghịch với thứ lớp để phối kết với văn cùng thuận hợp. Cho nên phần sau giải thích văn mỗi mỗi đều theo số nhiều, trái với tên gọi của thứ lớp để giải thích.

“Nhưng tên gọi chung là Na la diên tràng”: Tức tên gọi về Lục sĩ của Đế Thích.

Số câu: “Kỳ Bà đi vào lửa”: Tức nơi Phẩm hiện tướng đã dẫn. “Vào ngục hỏi về tội”, tức nơi Kinh Báo Ân quyển thứ tư. Khiến Kỳ Bà đến nơi địa ngục A Tỳ hỏi thăm Điều Đạt: “Ông nay chịu tội cảm thấy ra sao?” Đáp: “Như sự an lạc ở cõi Thiên thứ ba”.

Ở đây chọn lấy phần đi vào trong địa ngục hỏi thăm về tội khổ, chẳng thể bị hại.

Số câu: “Tâm khéo giải thoát do ba Tướng”: Tức nơi Luận Du Già quyển thứ tám mươi lăm đã nêu.

-----